PHẦN VĂN BẢN KHÁC

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 2157/QĐ-TTg	*Hà Nội, ngày 11 tháng 11 năm 2013*

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Bộ chỉ tiêu giám sát, đánh giá phát triển bền vững địa phương giai đoạn 2013 - 2020

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Quyết định số 432/QĐ-TTg ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chiến lược phát triển bền vững Việt Nam giai đoạn 2011 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 43/2010/QĐ-TTg ngày 02 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia;

Căn cứ Quyết định 160/QĐ-TTg ngày 15 tháng 01 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch hành động quốc gia về Phát triển bền vững giai đoạn 2013 - 2015;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Bộ chỉ tiêu giám sát, đánh giá phát triển bền vững địa phương giai đoạn 2013 - 2020.

Điều 2. Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư chịu trách nhiệm hướng dẫn nội dung, phương pháp tính của từng chỉ tiêu trong Bộ chỉ tiêu giám sát, đánh giá phát triển bền vững địa phương giai đoạn 2013 - 2020 để thực hiện thống nhất trong phạm vi cả nước.

Điều 3. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thu thập, tổng hợp các chỉ tiêu trong Bộ chỉ tiêu giám sát, đánh giá phát triển bền vững địa phương giai đoạn 2013 - 2020, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 5. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

Nguyễn Thiện Nhân

BỘ CHỈ TIÊU GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG ĐỊA PHƯƠNG GIAI ĐOẠN 2013 - 2020

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2157/QĐ-TTg ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ)

I. CÁC CHỈ TIÊU CHUNG (28 CHỈ TIÊU)						
STT		**Tên chỉ tiêu**	**Đơn vị tính**	**Kỳ công bố**	**Lộ trình**	**Cơ quan chịu trách nhiệm thu thập/ tổng hợp**
	CHỈ TIÊU TỔNG HỢP (1 chỉ tiêu)					
1	1	Chỉ số phát triển con người (HDI)	0 ≤ Hệ số ≤ 1	3 - 5 năm	2015	Cục Thống kê
	LĨNH VỰC KINH TẾ (7 chỉ tiêu)					
2	1	Tỷ lệ vốn đầu tư phát triển trên địa bàn so với tổng sản phẩm trên địa bàn	%	Năm	2014	Cục Thống kê
3	2	Hiệu quả sử dụng vốn đầu tư (Hệ số ICOR)	Hệ số	5 năm	2014	Cục Thống kê
4	3	Năng suất lao động xã hội	Triệu đồng/lao động	Năm	2014	Cục Thống kê
5	4	Tỷ lệ thu ngân sách so với chi ngân sách trên địa bàn	%	Năm	2014	- Chủ trì: Sở Tài chính - Phối hợp: Cục Thống kê, Kho bạc nhà nước tỉnh, Cục Thuế
6	5	Diện tích đất lúa được bảo vệ và duy trì (theo Nghị quyết của CP)	Nghìn ha	Năm	2014	- Chủ trì: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Phối hợp: Sở Tài nguyên và Môi trường, Cục Thống kê

	Chỉ tiêu khuyến khích sử dụng*					
7	6	Tỷ trọng đóng góp của năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) vào tốc độ tăng trưởng chung	%	3 - 5 năm	2015	Cục Thống kê
8	7	Mức giảm tiêu hao năng lượng để sản xuất ra một đơn vị tổng sản phẩm trên địa bàn	%	Năm	2015	- Chủ trì: Sở Công Thương - Phối hợp: Cục Thống kê
	LĨNH VỰC XÃ HỘI (11 chỉ tiêu)					
9	1	Tỷ lệ hộ nghèo	%	Năm	2014	- Chủ trì: Cục Thống kê - Phối hợp: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội
10	2	Tỷ lệ thất nghiệp	%	Năm	2014	- Chủ trì: Cục Thống kê - Phối hợp: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội
11	3	Tỷ lệ lao động đang làm việc đã qua đào tạo	%	Năm	2014	- Chủ trì: Cục Thống kê - Phối hợp: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội
12	4	Hệ số bất bình đẳng trong phân phối thu nhập (Hệ số Gini)	$0 \leq$ Hệ số ≤ 1	2 năm	2015	Cục Thống kê
13	5	Tỷ số giới tính của trẻ em mới sinh	trai/100 gái	Năm	2014	- Chủ trì: Cục Thống kê - Phối hợp: Sở Y tế
14	6	Tỷ lệ người dân đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế	%	Năm	2014	- Chủ trì: Bảo hiểm Xã hội tỉnh - Phối hợp: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

15	7	Tỷ lệ chi ngân sách địa phương cho hoạt động văn hóa, thể thao	%	Năm	2014	- Chủ trì: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch - Phối hợp: Sở Tài chính, Cục Thống kê, Kho bạc nhà nước tỉnh
16	8	Tỷ lệ xã được công nhận đạt tiêu chí nông thôn mới	%	Năm	2014	- Chủ trì: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Phối hợp: Cơ quan hoặc Bộ phận chuyên trách giúp Ban chỉ đạo tỉnh về Chương trình nông thôn mới
17	9	Tỷ suất chết của trẻ em dưới 5 tuổi	‰	Năm	2014	- Chủ trì: Cục Thống kê - Phối hợp: Sở Y tế
18	10	Số người chết do tai nạn giao thông	Người/100.000 dân/năm	Năm	2014	- Chủ trì: Sở Công an - Phối hợp: Ban An toàn giao thông tỉnh
19	11	Tỷ lệ học sinh đi học phổ thông đúng độ tuổi	%	Năm	2014	- Chủ trì: Sở Giáo dục và Đào tạo - Phối hợp: Cục Thống kê
	LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG (9 chỉ tiêu)					
20	1	Tỷ lệ dân số được sử dụng nước sạch	%	2 năm	2014	- Chủ trì: Cục Thống kê - Phối hợp: Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
21	2	Tỷ lệ diện tích đất được bảo vệ, duy trì đa dạng sinh học	%	Năm	2014	Sở Tài nguyên và Môi trường
22	3	Diện tích đất bị thoái hóa	ha	2 năm	2015	- Chủ trì: Sở Tài nguyên và Môi trường - Phối hợp: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

23	4	Tỷ lệ các đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp, khu chế xuất, cụm công nghiệp xử lý chất thải rắn, nước thải đạt tiêu chuẩn môi trường	%	Năm	2014	- Chủ trì: Sở Xây dựng - Phối hợp: Sở Tài nguyên và Môi trường; Sở Công Thương, Ban Quản lý các KKT, KCN, KCX, CCN tỉnh
24	5	Tỷ lệ che phủ rừng	%	Năm	2014	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
25	6	Tỷ lệ chất thải rắn thu gom, đã xử lý	%	Năm	2014	- Chủ trì: Sở Xây dựng - Phối hợp: Sở Tài nguyên và Môi trường; Sở Công Thương, Sở Y tế
26	7	Số vụ thiên tai và mức độ thiệt hại	Vụ, Triệu đồng	Năm	2014	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
	Chỉ tiêu khuyến khích sử dụng*					
27	8	Tỷ lệ các dự án khai thác khoáng sản được phục hồi về môi trường	%	Năm	2015	Sở Tài nguyên và Môi trường
28	9	Số dự án xây dựng theo cơ chế phát triển sạch-CDM	Dự án	Năm	2015	- Chủ trì: Sở Tài nguyên, môi trường - Phối hợp: Cục Thống kê
II. CÁC CHỈ TIÊU ĐẶC THÙ VÙNG (15 CHỈ TIÊU)						
	VÙNG TRUNG DU, MIỀN NÚI (1 chỉ tiêu)					
1	1	Số vụ và diện tích rừng bị cháy, bị chặt phá	Vụ, ha	Năm	2014	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
	VÙNG ĐỒNG BẰNG (2 chỉ tiêu)					
2	1	Tỷ lệ diện tích gieo trồng cây hàng năm được tưới, tiêu	%	Năm	2014	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

	Chỉ tiêu khuyến khích sử dụng*					
3	2	Tỷ lệ diện tích đất ngập nước vùng đồng bằng được bảo vệ và duy trì đa dạng sinh học	%	Năm	2015	Chủ trì: Sở Tài nguyên và Môi trường Phối hợp: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
	VÙNG VEN BIỂN (2 chỉ tiêu)					
	Chỉ tiêu khuyến khích sử dụng*					
4	1	Hàm lượng một số chất hữu cơ trong nước biển vùng cửa sông, ven biển	mg/lít	Năm	2015	Sở Tài nguyên và Môi trường
5	2	Diện tích rừng ngập mặn ven biển được bảo tồn, duy trì đa dạng sinh học	ha	Năm	2015	- Chủ trì: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Phối hợp: Sở Tài nguyên và Môi trường
	ĐÔ THỊ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG (5 chỉ tiêu)					
6	1	Diện tích nhà ở bình quân đầu người	m^2	2 năm	2014	- Chủ trì: Cục Thống kê - Phối hợp: Sở Xây dựng
7	2	Mức giảm lượng nước ngầm, nước mặt	m^3/người/năm	2 năm	2014	Sở Tài nguyên và Môi trường
	Chỉ tiêu khuyến khích sử dụng*					
8	3	Tỷ lệ chi ngân sách cho duy tu, bảo dưỡng các di tích lịch sử và các điểm du lịch	%	Năm	2015	- Chủ trì: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch - Phối hợp: Sở Tài chính
9	4	Diện tích đất cây xanh đô thị bình quân đầu người	m^2/người	Năm	2015	Sở Xây dựng

10	5	Tỷ lệ ngày có nồng độ các chất độc hại trong không khí vượt quá tiêu chuẩn cho phép	%	Năm	2015	Sở Tài nguyên và Môi trường
	NÔNG THÔN (5 chỉ tiêu)					
11	1	Giá trị sản phẩm thu hoạch trên 1 ha đất trồng trọt và nuôi trồng thủy sản	triệu đồng	Năm	2014	- Chủ trì: Cục Thống kê - Phối hợp: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
12	2	Tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh	%	Năm	2014	- Chủ trì: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Phối hợp: Cục Thống kê
13	3	Tỷ lệ chất thải rắn nông thôn được thu gom và xử lý	%	Năm	2014	- Chủ trì: Sở Xây dựng - Phối hợp: Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
	Chỉ tiêu khuyến khích sử dụng*					
14	4	Lượng phân bón hóa học, thuốc bảo vệ thực vật bình quân 1 ha đất canh tác	kg/ha	Năm	2015	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
15	5	Tỷ lệ chất thải rắn làng nghề được thu gom, xử lý	%	Năm	2015	- Chủ trì: Sở Xây dựng - Phối hợp: Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Công Thương, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

* Chỉ tiêu không bắt buộc sử dụng: Khuyến khích các địa phương sẵn có nguồn số liệu hoặc có điều kiện khảo sát thu thập số liệu áp dụng để giám sát, đánh giá phát triển bền vững.